CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP An Trường An

Ngày 30/06/2025	3,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	19.4%	**23.3%**	**85.0%**

DT thuần
Q2/25
3.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.24|
YoY: ▼2.00| -38.2%

LN thuần
Q2/25
1.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80| 250%
YoY: ▲ 0.38| 54.7%

LN sau thuế
Q2/25
0.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.70| 236%
YoY: ▲ 0.35| 55.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
32.4%

ROE (TTM)
Q2/25
-124%
YoY: +/-▼ 1498%

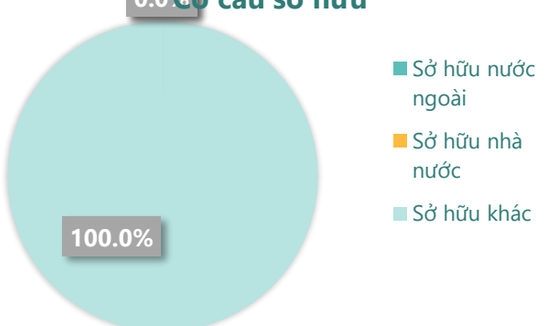
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,900 - 5,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
Số lượng CPLH (CP)	15,220,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,440
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.02)
EPS	-58
P/E	-63.9

DT thuần
6T 2025
3.24
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.45| -57.9%

LN thuần
6T 2025
0.37
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.04| -74.0%

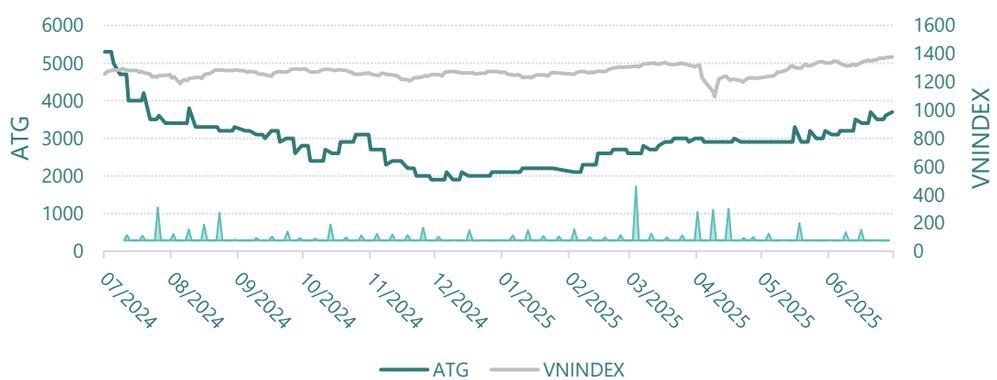
LN sau thuế
6T 2025
0.26
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.89| -77.2%

Cơ cấu sở hữu

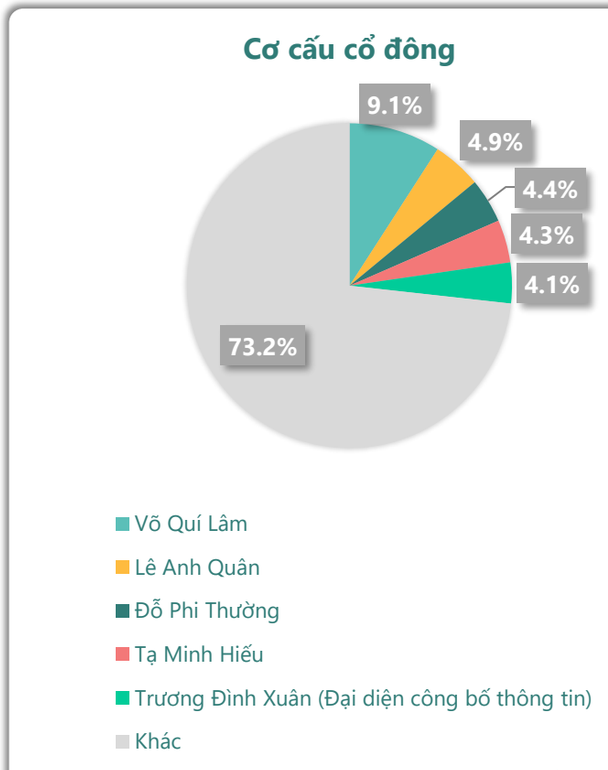


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



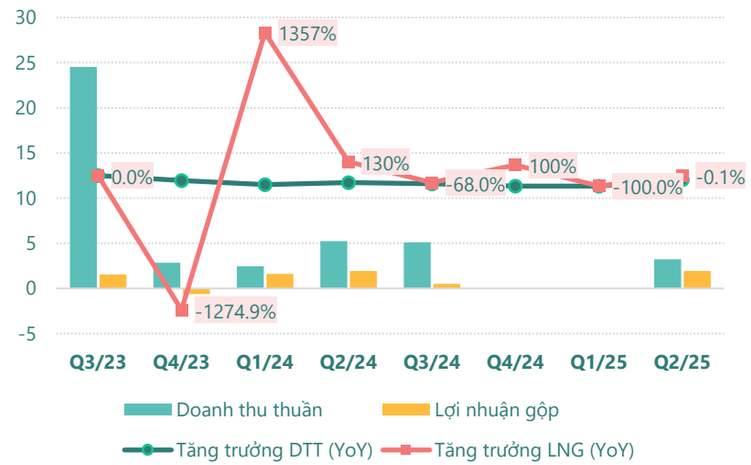
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

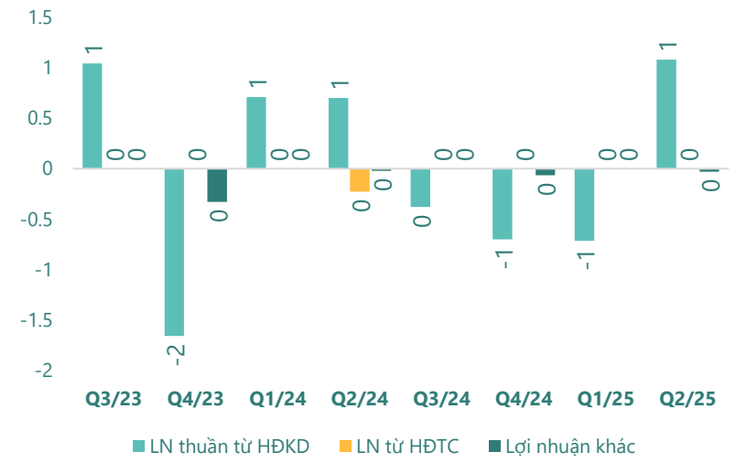
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



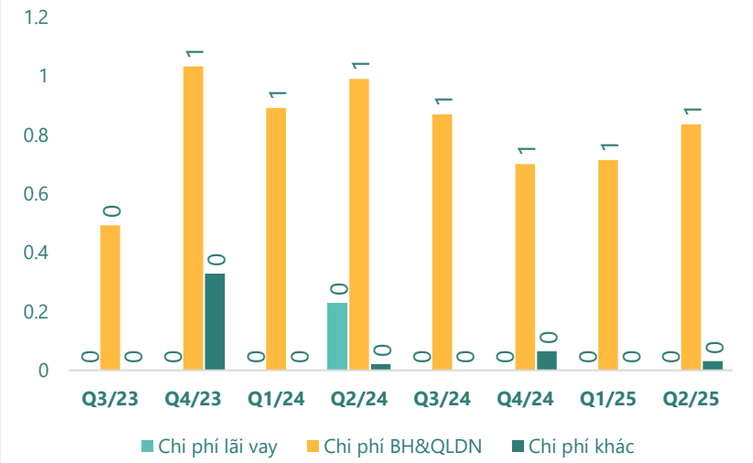
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



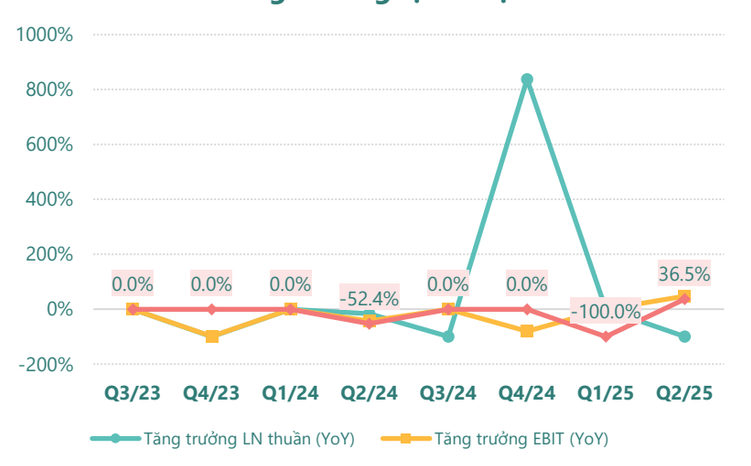
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



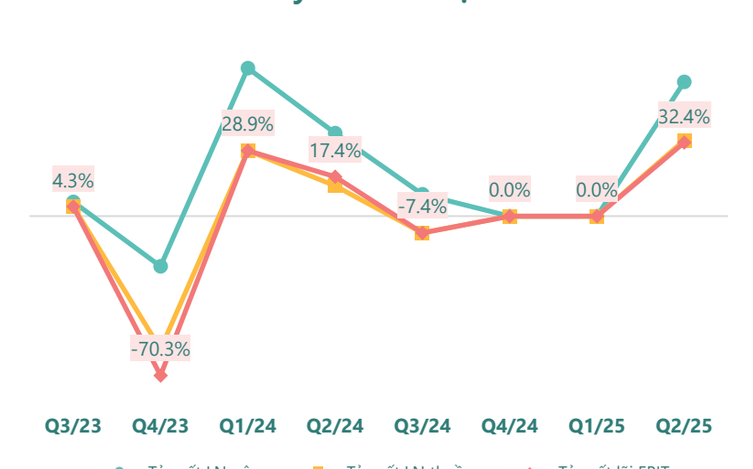
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



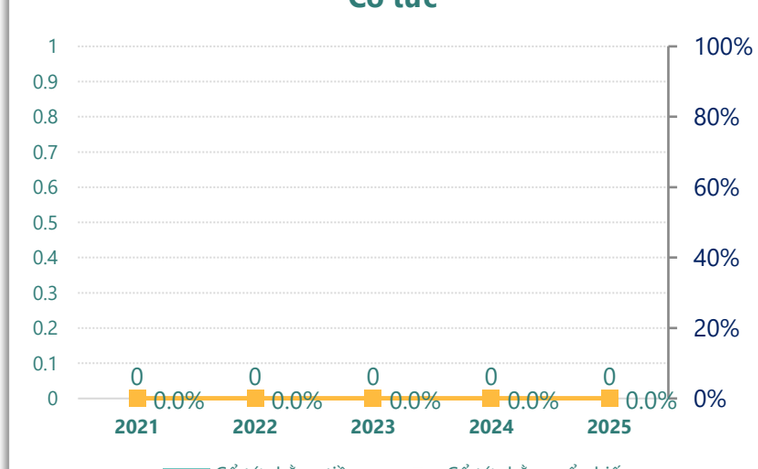
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



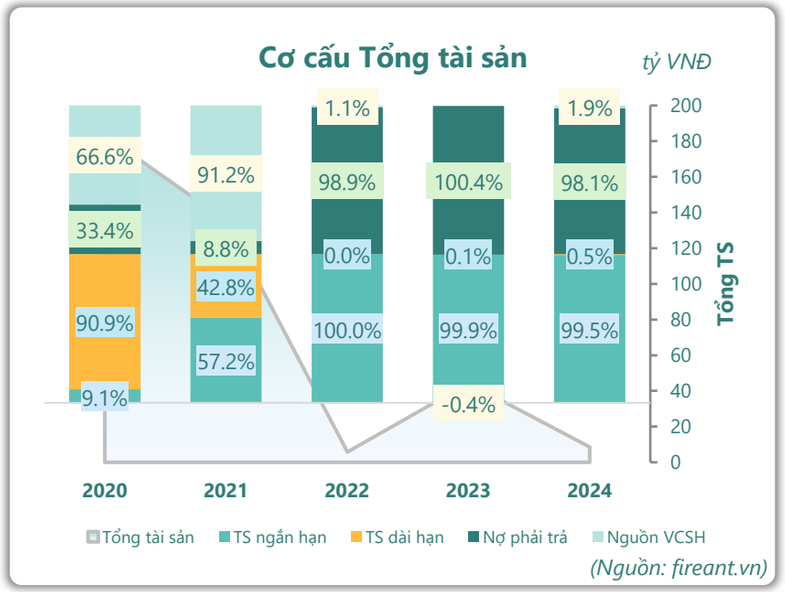
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

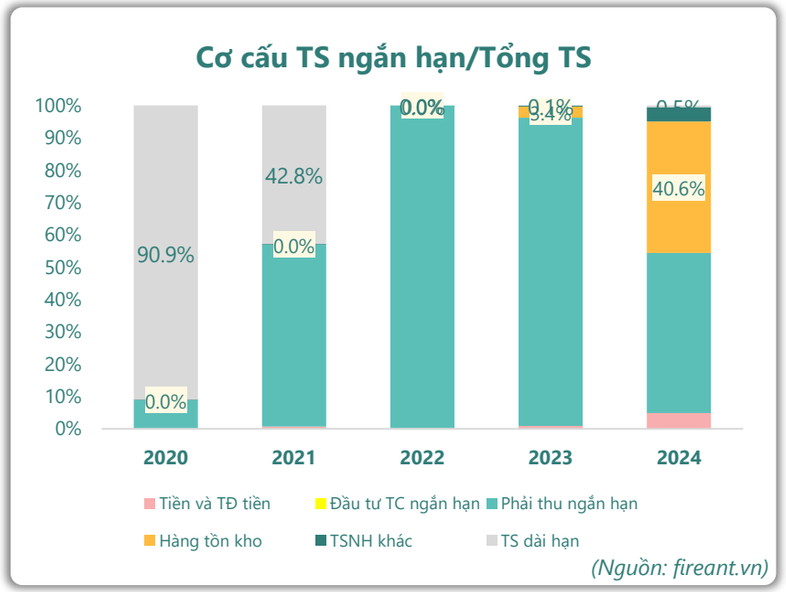


(Nguồn: fireant.vn)

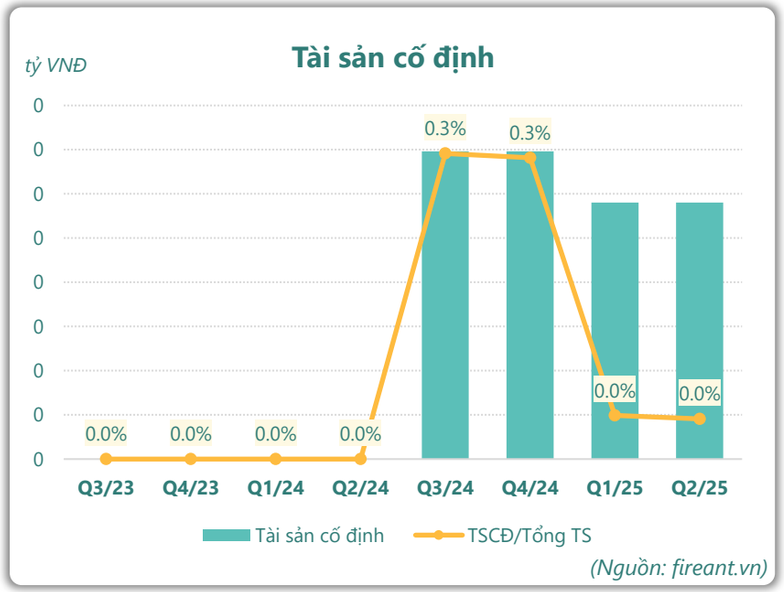
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



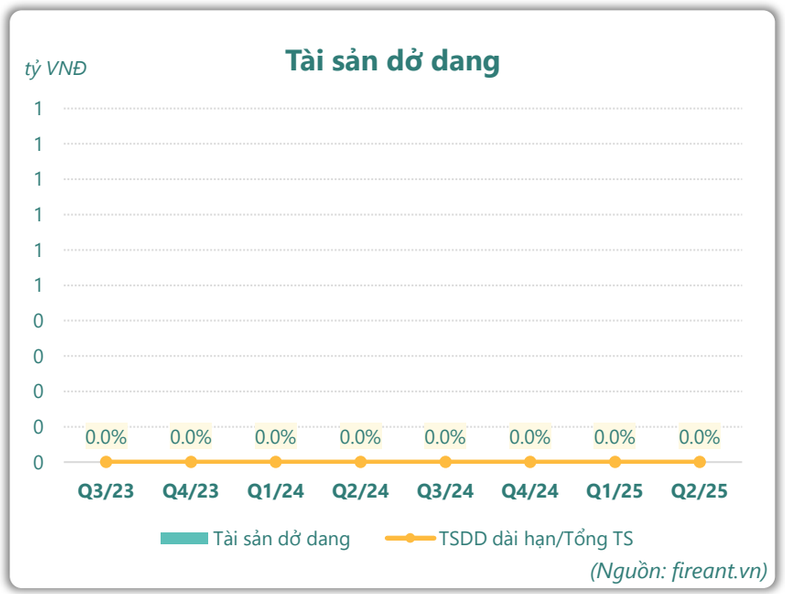
(Nguồn: fireant.vn)



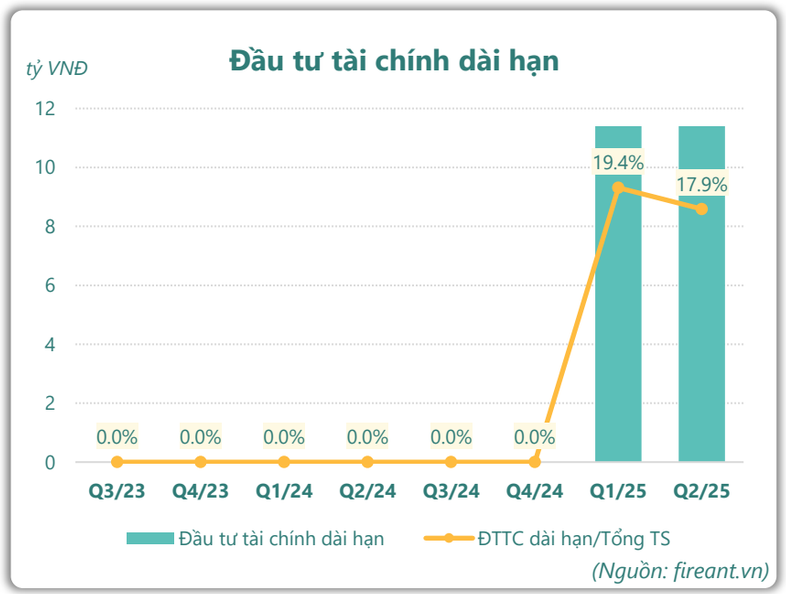
(Nguồn: fireant.vn)



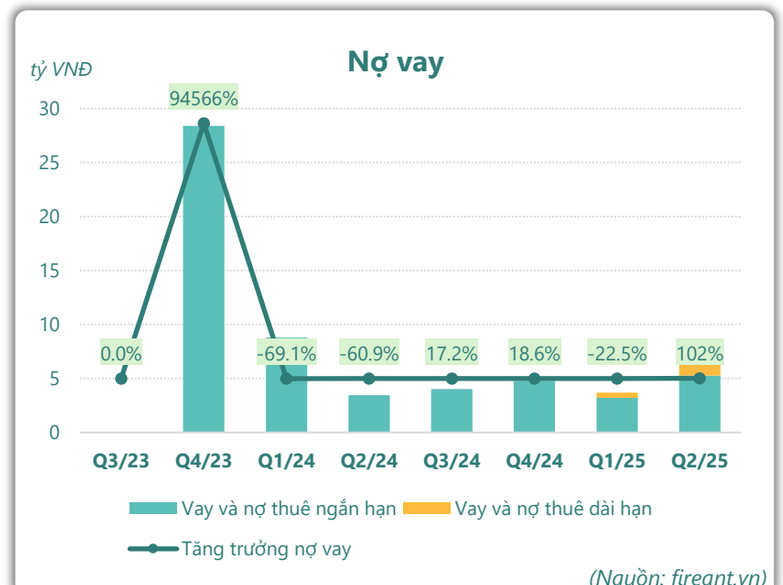
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



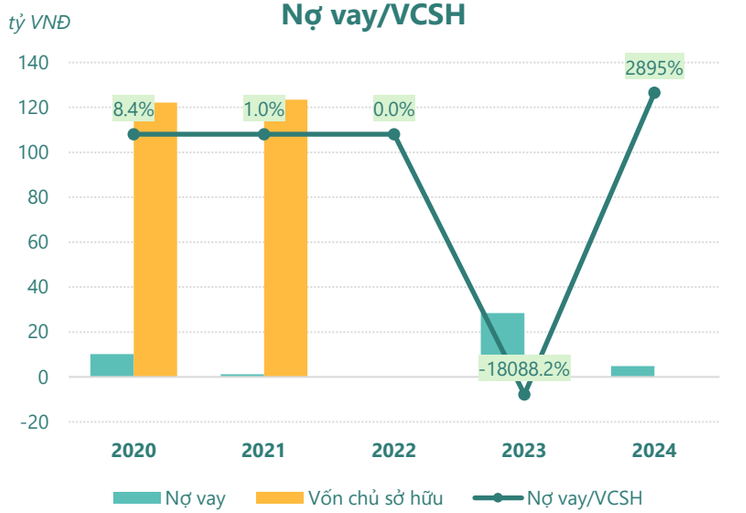
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

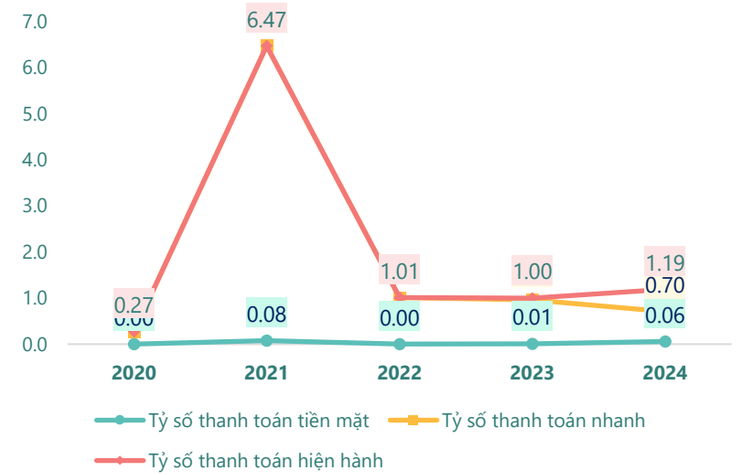
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



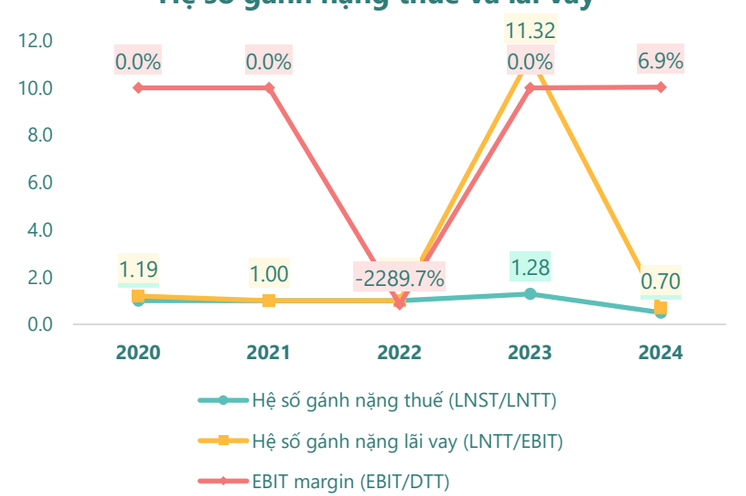
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



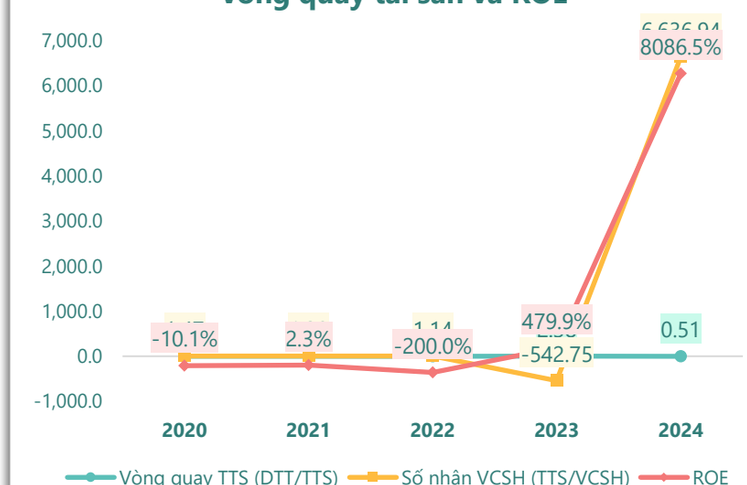
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



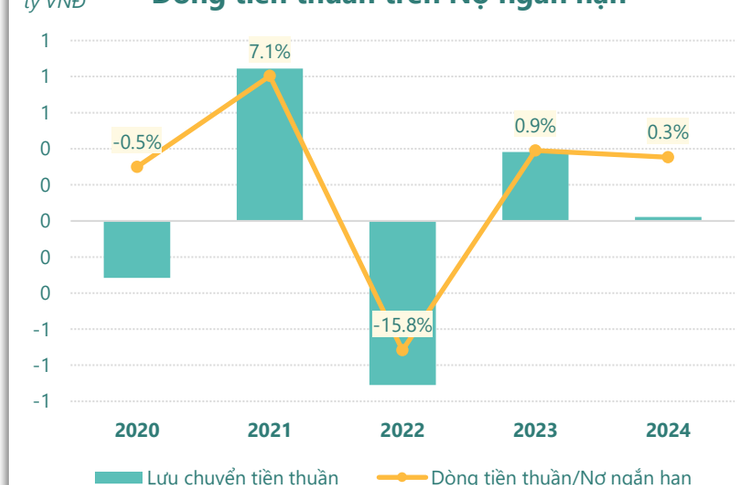
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.24**	**5.24**	**-38.2%**	**3.24**	**7.69**	**-57.9%**
Giá vốn hàng bán	1.32	3.32	-60.2%	1.32	4.17	-68.3%
Lợi nhuận gộp	1.92	1.92	0.0%	1.92	3.52	-45.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-22.0%
Chi phí TC	0	0.23	-100%	0	0.23	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.23	-100%	0	0.23	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.04	-100%	0	0.04	-100%
Chi phí QLDN	**0.84**	**0.95**	**-11.9%**	**1.55**	**1.85**	**-16.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.08	0.70	54.7%	0.37	1.41	-74.0%
Lợi nhuận khác	**-0.03**	**-0.02**	**-56.0%**	**-0.03**	**-0.02**	**-47.3%**
LN trước thuế	1.05	0.68	54.6%	0.34	1.39	-75.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.98**	**0.63**	**55.2%**	**0.26**	**1.15**	**-77.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.98**	**0.63**	**55.2%**	**0.26**	**1.15**	**-77.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	21.1	4.41	-1.13	-0.68	12.3	-2.92
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0.00	-0.04	0	-11.4	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.6	-5.35	0.59	0.75	-1.08	3.79
Tiền đầu kỳ	0.39	1.86	0.92	0.34	0.42	0.26
Lưu chuyển tiền thuần	**1.47**	**-0.94**	**-0.58**	**0.07**	**-0.16**	**0.87**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.86	0.92	0.34	0.42	0.26	1.13

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**63.7**	**8.56**	**645%**
Tài sản ngắn hạn	52.3	8.51	515%
Tiền và tương đương tiền	1.13	0.42	172%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	13.9	4.24	229%
Hàng tồn kho	33.0	3.47	851%
Tài sản ngắn hạn khác	4.22	0.38	1006%
Tài sản dài hạn	**11.4**	**0.05**	**25189%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.03	0.03	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.4	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-64.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.3	8.39	655%
Nợ ngắn hạn	**9.29**	**7.15**	**30.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.27	3.54	48.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.34	122%
Nợ dài hạn	54.0	1.24	4256%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.23	1.24	79.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0.43**	**0.16**	**159%**
Vốn chủ sở hữu	**0.43**	**0.16**	**159%**
Vốn điều lệ	152	152	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)